TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13/3/2018
Về tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ngọc Hạnh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Thành Ngọc.**

2. Bà **Dương Thị Tư.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Thúy Liễu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa*: Ông **Đặng Quốc Sĩ -** Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 612/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Ngọc H**, sinh năm 1975 – Có mặt.
Địa chỉ: Số 27, tổ 16, ấp P, xã Đ, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Số 74, tổ 3, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn L**, sinh năm 1970 – Vắng mặt.
Địa chỉ: Số 27, tổ 16, ấp P, xã Đ, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn – chị Võ Thị Ngọc H trình bày:

Chị H và anh L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND xã Đ. Cuộc sống chung giữa chị và anh L không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, anh L sống không có trách nhiệm với gia đình, khó khăn về kinh tế nên vợ cH thường xuyên cải vã nhau. Vợ chồng ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 2 người tên Trần Văn N sinh ngày 16/4/2000 và Trần Thị Ngọc L sinh ngày 18/7/2008 hiện đang sống với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi hết hai con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Không có ai nợ lại hai vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tuân theo pháp luật tố tụng; người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng pháp luật. Anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mục đích hôn nhân của chị H và anh L không đạt được, vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Chị H yêu cầu ly hôn nhưng anh L không đến Tòa án để giải quyết mâu thuẫn là không có thiện chí hàn gắn. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

Về con chung, có 2 người tên Trần Văn N sinh ngày 16/4/2000 và Trần Thị Ngọc L sinh ngày 18/7/2008 hiện đang sống với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi hết hai con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận ý kiến của chị H. Về tài sản chung và nợ chung, chị H trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng**:** Anh Trần Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án**:** Chị Võ Thị Ngọc H và anh Trần Văn L chung sống với nhau từ năm 1999, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND xã Đ. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H thấy rằng: Chị H và anh L chung sống với nhau từ năm 1999 đến năm 2012 thì sống ly thân cho đến nay. Mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, anh L sống không có trách nhiệm với gia đình. Trong thời gian sống ly thân anh, chị cũng không gặp nhau để bàn bạc việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, cả chị H và anh L đều không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị H và anh L không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 2 người tên Trần Văn N sinh ngày 16/4/2000 và Trần Thị Ngọc L sinh ngày 18/7/2008 hiện đang sống với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi hết hai con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Qua làm việc cháu N và cháu L cũng có nguyện vọng sống chung với chị H. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận ý kiến của chị H.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, chị H trình bày không có, không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định: "*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*". Trong vụ án này, chị H là nguyên đơn, do đó, chị H phải chịu án phí theo quy định.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Ngọc H và anh Trần Văn L.

Chị Võ Thị Ngọc H được ly hôn với anh Trần Văn L.

2. Về con chung: Giao 2 cháu Trần Văn N sinh ngày 16/4/2000 và Trần Thị Ngọc L sinh ngày 18/7/2008 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004527 ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị H đã nộp xong tiền án phí.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho chị H biết có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh L được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi thường trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Huỳnh Thị Ngọc Hạnh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.